

Bản số: 09/2024/HS-ST

Ngày 16 - 4 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hiệp

*Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Sơn

Bà Lê Thị Thanh Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 9/2024/QĐXXST-HS ngày 5 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

**Đinh Thị T**, sinh năm 1965, tại tỉnh Ninh Bình; nơi thường trú hiện tại: phố 8, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú hiện tại: phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T (đã mất) và bà Nguyễn Thị U; có chồng Đinh Văn T1 và 02 con; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2023 đến ngày 14/02/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị T theo chỉ định:* Ông Nguyễn Quốc Vương – Công ty TNHH KS Việt Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1968; Nơi cư trú thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn P xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1960; nơi cư trú: phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

3. Anh Đinh Văn T3, sinh năm 1985; nơi cư trú: phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- *Người làm chứng*: chị Nguyễn Thị L; chị Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Thế V; anh Nguyễn Văn T; ông Trịnh Văn T4; chị Nguyễn Thị Y; anh Nguyễn Thanh T; anh Nguyễn Xuân B (đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2015, ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1968, trú tại thôn Đ, xã T, huyện H là công chức địa chính xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Khoảng tháng 7/2004, ông T2 tiếp nhận của Đình Thị T 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 260m<sup>2</sup>, loại đất ao vườn thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (do vợ chồng T nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Xuân T4, sinh năm 1944, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình). Ngày 23/7/2004, tại nhà riêng của ông T2, T đã đưa cho ông T2 10.000.000 đồng để nhờ ông T2 làm nhanh thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T2 đồng ý và nhận tiền. Sau khi nhận tiền, ông T2 đã dùng số tiền trên chi tiêu cá nhân rồi thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Khoảng tháng 3 năm 2012, Đình Thị T phát hiện trên núi, giáp ngay sau thửa đất nói trên có hang đá, có thể sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ du lịch nhưng cửa vào hang đang bị tảng đá bên ngoài che khuất nên T đến UBND xã T gặp ông Nguyễn Minh T2 đặt vấn đề xin phá tảng đá che cửa hang trên núi. Núi đá này nằm trong diện tích rừng đặc dụng, không thuộc thẩm quyền giải quyết của địa chính xã T, nhưng ông T2 không báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền mà tự ý liên hệ với cán bộ kiểm lâm (không xác định được danh tính) đến xem xét thực địa (không lập biên bản). Ông T2 nói với T có thể đồng ý cho phá tảng đá thì T nói sẽ cảm ơn ông T2 7.000.000 đồng. Ngày 12/3/2012, T đến phòng làm việc của ông T2 ở UBND xã T, đưa cho ông T 7.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 3/2012, T thuê người đến phá tảng đá che cửa hang, khi mới khoan được 01 lỗ trên tảng đá thì ông T2 điện thoại cho T nói núi đá nằm trong khu di tích T nên không được khai phá và yêu cầu dừng việc phá tảng đá. T chấp hành, không phá tảng đá nữa nhưng số tiền 7.000.000 đồng đã đưa cho ông T2 thì T không đòi lại.

Đến tháng 8/2022, Đình Thị T tự ý dựng lán để xe sát trục đường thuộc thôn T, xã T, vi phạm hành chính về trật tự xây dựng và đất đai. Nền ngày 22/8/2022, Chủ tịch UBND xã T thành lập đoàn công tác (trong đó có ông Nguyễn Minh T2, lúc này là Phó chủ tịch UBND xã) tiến hành tháo dỡ công trình vi phạm. Đình Thị T cho rằng ông T2 đã nhiều lần nhận tiền của mình nhưng không tạo điều kiện, giúp đỡ mà cho người phá lán xe xây dựng trái phép nên T bức xúc. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 01/2023, T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho ông T2 để phản ánh việc các hộ dân khác cũng vi phạm và đề nghị ông T2 bỏ qua trường hợp nhà T nhưng ông T2 không trả lời. Ngày 09/01/2023, T nhắn tin qua zalo yêu cầu ông T2 trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà ông T2 đã nhận của T vào năm 2004 và 2012 nhưng ông T2 không trả lời. Do không có bằng chứng việc ông T2 nhận số tiền trên của T, nên sáng ngày 11/01/2023, T sử dụng điện thoại di động

nhãn hiệu Samsung Galaxy S10+ của mình mở sẵn ứng dụng ghi âm rồi đến phòng làm việc của ông T2 ở UBND xã T để nói chuyện về việc năm 2004, ông T2 nhận từ T 10.000.000 đồng để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2012 ông T2 nhận của T 7.000.000 đồng để cho T phá tảng đá mở cửa hang đá sau nhà và yêu cầu ông T2 phải trả lại tiền. Thấy T đòi lại tiền thì ông T2 đồng ý rồi mở tủ lấy 17.000.000 đồng đưa cho T và nói “*thôi em trả lại chị*”. T nhận tiền rồi nói “*cứ biết vậy, tôi đã ghi âm xong*” sau đó ra về. Khi có được bằng chứng việc ông T2 nhận tiền hối lộ, T nảy sinh ý định lấy thêm tiền của ông T2 bằng cách yêu cầu ông T2 phải trả số tiền 17.000.000 đồng theo cách tính quy ra vàng. T tính toán số tiền 17.000.000 đồng ở thời điểm năm 2004 và 2012 mua được 14,8 chỉ vàng, nhân với giá vàng thời điểm hiện tại là 5.460.000 đồng/chỉ thì ông T2 phải trả cho T số tiền 80.808.000 đồng. Sáng ngày 11/01/2023, ông T2 đã trả 17.000.000 đồng nên số tiền còn phải đưa thêm cho T là 63.808.000 đồng. Do vậy cũng trong ngày 11/01/2023, T gửi cho ông T2 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai người rồi gọi điện, nhắn tin yêu cầu chậm nhất đến ngày 16/01/2023 ông T2 phải đưa thêm 63.808.000 đồng, nếu không sẽ tố cáo hành vi nhận hối lộ của ông T2 đến cơ quan chức năng. Sáng ngày 16/01/2023 T đến phòng làm việc của ông T2, tiếp tục đe dọa, yêu cầu ông T2 đưa tiền. Ông T2 sợ T tố cáo sẽ ảnh hưởng đến uy tín của mình nên sáng ngày 17/01/2023, tại phòng làm việc của mình, ông T2 đã đưa cho T 30.000.000 đồng và xin T bỏ qua. T nhận tiền rồi nói “*thôi cứ biết vậy*”. Đến chiều cùng ngày, T gọi điện yêu cầu ông T2 phải đưa thêm tiền thì mới giữ kín chuyện. Sáng ngày 18/01/2023, T đến phòng làm việc của ông T2 yêu cầu phải đưa thêm 270.000.000 đồng. Ông T2 nói không có tiền và xin T giảm bớt, T nói lấy đủ 170.000.000 đồng, trừ đi 47.000.000 đồng ông T2 đã trả vào ngày 11/01/2023 và 17/01/2023 thì ông T2 phải đưa thêm 123.000.000 đồng, T hứa sẽ xóa toàn bộ tin nhắn và file ghi âm trao đổi giữa T và ông T2. Ông T2 đồng ý nên sáng ngày 19/01/2023, tại phòng làm việc của mình, ông T2 đã đưa cho T 123.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T xóa file ghi âm ngày 11/01/2023 rồi nói với ông T2 “*em cứ mở zalo để chị gửi cho mà xem*” rồi ra về.

Trong khoảng thời gian này, T kể với chị Phạm Thị B, sinh năm 1966, trú tại thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (hiện đang làm thuê tại Kí ốt1, N2, bán đảo L, quận H, thành phố Hà Nội- là bạn cùng học cấp ba với T) về việc có cán bộ địa chính nhận tiền hối lộ của T từ năm 2004 và 2012 đến nay không giúp được việc nên T đòi lại tiền. T gửi vào zalo của chị B File ghi âm cuộc nói chuyện giữa T và ông T2 vào ngày 11/01/2023 để chị B giữ hộ bằng chứng và nhờ chị B tính hộ tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng từ 23/07/2004 đến 23/01/2023 và số tiền 7.000.000 đồng từ 12/3/2012 đến 12/03/2023 với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/ngày. Chị B không mở file ghi âm ra nghe và không biết việc T uy hiếp, đe dọa ông T2 để lấy tiền nên đồng ý giữ file ghi âm và tính tiền lãi giúp T. Sáng ngày 19/01/2023, chị B tính tiền gốc và lãi theo yêu cầu của T ra số tiền là 943.200.000 đồng rồi viết kết quả ra 01 tờ giấy sau đó chụp ảnh tờ giấy và gửi qua zalo cho T.

Nhận thấy số tiền 170.000.000 đồng đã chiếm đoạt của ông T2 là ít so với số tiền 943.200.000 đồng mà T nhờ chị B tính hộ. Do vậy, chiều ngày 19/01/2023 T gửi cho ông T2 hình ảnh tờ giấy tính lãi của chị B và gọi điện, nhắn tin yêu cầu ông T2 phải trả cho T tổng số tiền là 943.200.000 đồng, nếu không sẽ tố cáo việc làm

của ông T2 với Bí thư đảng ủy xã, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban kiểm tra Đảng, thanh tra Chính phủ và đăng việc ông T2 nhận tiền hối lộ lên mạng xã hội. Những ngày sau đó T liên tục nhắn tin, gọi điện, đến phòng làm việc của ông T2 đe dọa, thúc ép ông T2 phải đưa tiền. Khi ông T2 nói không có tiền thì T gọi điện cho chị B bảo chị B gửi lại cho T file ghi âm. Ông T2 lo sợ, nhiều lần xin T giảm bớt số tiền phải trả, thì đến ngày 02/02/2023, T đồng ý giảm 1/3 số tiền, yêu cầu ông T2 phải đưa tổng số 600.000.000 đồng, trừ đi 170.000.000 đồng mà ông T2 đã đưa cho T trước đây, thì ông T2 phải đưa thêm cho T 430.000.000 đồng, ông T2 đồng ý và hẹn đến 06/02/2023 đưa tiền. Khoảng 08 giờ ngày 06/02/2023, T đến phòng làm việc của ông T2 tại UBND xã T để lấy tiền. Tại đây ông T2 đưa cho T 100.000.000 đồng, T cầm tiền và yêu cầu đến ngày 09/02/2023, ông T2 phải đưa nốt số tiền 330.000.000 đồng còn thiếu rồi ra về. Khi T ra đến cổng UBND xã T, ông T2 chạy đuổi theo phía sau thì gặp tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đang làm nhiệm vụ. Ông T2 đã trình bày sự việc bị T đe dọa, chiếm đoạt tiền. Tổ công tác đã lập biên bản ghi nhận sự việc, thu giữ của Đinh Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10+, bên trong lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730; 09 bức ảnh chụp các công trình xây dựng, sơ đồ các thửa đất cùng số tiền 100.000.000 đồng; thu giữ của ông Nguyễn Minh T2 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12, bên trong lắp sim số 0962.053.939 và 0974.970.873 rồi yêu cầu những người có liên quan về trụ sở Công an huyện H làm rõ sự việc.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Đinh Thị T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại Samsung Galaxy S10+ thu giữ của Đinh Thị T và chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12 thu giữ của ông Nguyễn Minh T2, đều phát hiện các tin nhắn zalo và SMS do T và ông T2 trao đổi với nhau liên quan đến việc T đe dọa, chiếm đoạt tiền của ông T2, trong đó thu được hình ảnh tờ giấy tính lãi do chị B gửi cho T. Đồng thời kiểm tra mục “máy ghi âm”, còn phát hiện 06 tệp tin âm thanh trong máy điện thoại Samsung Galaxy S10+ và 10 tệp tin âm thanh trong máy điện thoại Samsung Galaxy A12. Thảm và ông Trương đều khai nhận đây là các file ghi âm do T và ông T2 ghi lại các lần gặp trao đổi trực tiếp và qua điện thoại giữa T và ông T2. Cơ quan điều tra đã sao các tệp tin âm thanh này sang 02 chiếc USB để gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1304/KL-KTHS ngày 21/6/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận đối với các tệp tin âm thanh thu giữ của Đinh Thị T và Nguyễn Minh T2:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp tin âm thanh cần giám định.

- Có tiếng nói của Đinh Thị T trong mẫu cần giám định (ký hiệu "T" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Có tiếng nói của Nguyễn Minh T2 trong mẫu cần giám định (ký hiệu "T2" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản (Bản dịch nội dung ghi âm mẫu gồm 62 trang giấy A4).

Ngày 28/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định chữ viết của chị Phạm Thị B trên hình ảnh chụp tờ giấy thu giữ được từ điện thoại của Đinh Thị T, nhưng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình có công văn từ chối thực hiện giám định, với lý do tài liệu là bản sao, không đủ điều kiện và không có giá trị để nghiên cứu giám định.

Về xử lý vật chứng và các tài liệu đã thu giữ: Đối với số tiền 100.000.000 đồng thu giữ của Đinh Thị T do chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T2 mà có, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Minh T2 theo quy định. Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S10+ bên trong có lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730 thu giữ của Đinh Thị T; 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu đen, bên trong lắp sim số 0962.053.939 và 0974.970.873 thu giữ của ông Nguyễn Minh T2, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình quản lý để xử lý cùng vụ án. Đối với 09 bức ảnh chụp các công trình xây dựng, sơ đồ thửa đất thu giữ của Đinh Thị T chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, ông Nguyễn Minh T2 yêu cầu Đinh Thị T phải trả lại 153.000.000 đồng. Còn 17.000.000 đồng là tiền ông T2 đã nhận của T vào năm 2004 và 2012, ông T2 tự nguyện trả lại cho gia đình Đinh Thị T. Ngày 30/3/2023, anh Đinh Công T33, sinh năm 1985, trú tại phố 5, phường Đ, thành phố N là con trai của Đinh Thị T đã tự nguyện trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 153.000.000 đồng. Ông T2 đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đinh Thị T.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS NB-P2 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Đinh Thị T về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Thị T phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Thị T từ 07 đến 7 năm 6 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

\*Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Về biện pháp tư pháp: Trả lại 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu đen, bên trong lắp số 0962.053.939 và 0974.970.873 thu giữ của ông Nguyễn Minh T2.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S10+ bên trong có lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730 thu giữ của Đinh Thị T là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; ngày 30/03/2023 con trai bị cáo là anh Đinh Công T3 đã tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Minh T2 số tiền 153.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo trước đây đã công tác tại Sở thương mại tỉnh Ninh Bình được tặng giấy khen, bà Nguyễn Thị U là mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, ông T2 cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt ở mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với bản kết luận giám định: Số 1304/KL-KTHS-TL ngày 21/6/2023 của của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an; cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2023 đến ngày 06/02/2023, Đinh Thị T đã liên tục gọi điện, nhắn tin và gặp trực tiếp ông Nguyễn Minh T2 yêu cầu phải đưa số tiền 600.000.000 đồng cho mình, nếu không sẽ tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của ông T2 trong thời gian giữ chức vụ công chức địa chính xã T vào các năm 2004, 2012. Sợ bị phát hiện và xử lý ảnh hưởng uy tín cá nhân, ông T2 đã 04 lần đưa cho T tổng số tiền 270.000.000 đồng thì Công an huyện H phát hiện, ngăn chặn. Hành vi nêu trên của Đinh Thị T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

#### **Điều 170. Tội Cưỡng đoạt tài sản**

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ....

3. ....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã nhờ cơ quan điều tra tác động nhờ gia đình bồi thường cho bị hại, ngày 30/03/2023 con trai bị cáo là anh Đinh Công T3 đã tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Minh T2 số tiền 153.000.000 đồng, ông T2 đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra trong quá trình công tác của bị cáo ở Sở thương mại tỉnh Ninh Bình đã được tặng giấy khen, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị U được nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính đang chăm sóc và nuôi dưỡng mẹ già 93 tuổi, hoàn cảnh kinh tế, gia đình khó khăn nên được miễn hình phạt bổ sung.

\* Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Minh T2 đã nhận đủ số tiền 153.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

\* Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra đã thu giữ của ông Nguyễn Minh T2 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu đen, bên trong lắp số 0962.053.939 và 0974.970.873 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc điện thoại của ông T2 đã được trích sao các tài liệu liên qua đến hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thị T đã lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho ông Nguyễn Minh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quá trình điều tra đã thu giữ của Đinh Thị T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S10+ bên trong có lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730 là phương tiện mà Đinh Thị T đã sử dụng vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần phải tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S10+ bên trong có lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730 thu giữ của bị cáo.

**[3] Đối với các tình tiết khác liên quan đến vụ án cụ thể như sau:**

- Đối với hành vi của Đinh Thị T vào ngày 23/7/2004 và ngày 12/3/2012, đã 02 lần đưa tổng số tiền 17.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh T2 là cán bộ địa chính xã T, để ông T2 tạo điều kiện làm nhanh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho phá tảng đá che cửa hang, có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” được quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 289 BLHS năm 1999, nay là điểm a khoản 1 Điều 364 BLHS năm 2015. Nhưng đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xử lý Đinh Thị T về tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Minh T2: trong thời gian là công chức địa chính xã T, huyện H, vào ngày 23/7/2004 đã nhận của Đinh Thị T số tiền 10.000.000 đồng để làm nhanh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có dấu hiệu của tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm e, Khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm a, khoản 1 Điều 354 BLHS năm 2015. Ngày 12/3/2012, ông Nguyễn Minh T nhận của Đinh Thị T số tiền 7.000.000 đồng để cho T phá tảng đá che cửa hang tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình mà không làm thủ tục, hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền theo quy định. Nhưng sau đó ông T2 đã kịp thời yêu cầu T dừng việc phá tảng đá nên chưa gây thiệt hại. Hành vi trên của ông Nguyễn Minh T2 có dấu hiệu của tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại Khoản 1, Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là Khoản 1, Điều 357 BLHS năm 2015. Nhưng đến ngày 12/3/2022 đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cả hai tội. Do vậy không xử lý ông Nguyễn Minh T về các tội “Nhận hối lộ” và tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với chị Phạm Thị B là người được T nhờ gửi file ghi âm và tính tiền lãi của số tiền 17.000.000 đồng từ năm 2004 đến 2023. Sau khi tính xong ra số tiền 943.200.000 đồng, chị Phạm Thị B đã viết ra giấy và chụp ảnh gửi cho T. Sau đó, T đã sử dụng kết quả trên để đe dọa, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của ông Nguyễn Minh T2. Tuy nhiên, chị B không biết việc T thực hiện hành vi đe dọa, chiếm đoạt tiền của ông T2, T không bàn bạc trao đổi, hứa hẹn gì với chị B. Do vậy, hành vi trên của chị Phạm Thị B không đồng phạm với bị can Đinh Thị T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

[4] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**



Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đinh Thị T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/02/2023.

**2. Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án:**

\* Về biện pháp tư pháp:

- Trả lại cho ông Nguyễn Minh T2 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu đen, bên trong lắp số 0962.053.939 và 0974.970.873.

\* Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu hóa giá xung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S10+ bên trong có lắp sim số 0962.810.562 và 0913.037.730 thu giữ của bị cáo Đinh Thị T.

*(Chi tiết đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình và Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).*

**3. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao (01 bản);
  - VKSND cấp cao (01 bản);
  - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
  - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
  - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
  - Bị cáo (01 bản);
  - Bị hại (01 bản);
  - Trại giam (01 bản);
  - Luật sư (01 bản);
  - Sở tư pháp (01 bản);
  - Lưu hồ sơ (02 bản);
  - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)*

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đức Hiệp**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Các Hội thẩm nhân dân      Thẩm phán**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

**Bùi Thị Thảo**

**Nguyễn Đức Hiệp**

**Lê Thị Thanh Hương**  
**Sơn**

**Nguyễn Thanh**